

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ III/2021**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 10 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185,862,051,627	190,197,644,637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,591,525,714	8,833,076,065
1. Tiền	111		6,591,525,714	8,833,076,065
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13,530,000,000	1,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13,530,000,000	1,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134,188,476,469	163,752,352,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		62,153,898,819	70,629,666,673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58,444,596,000	64,399,971,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		13,589,981,650	28,722,714,250
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		31,435,915,235	16,360,202,783
1. Hàng tồn kho	141		31,435,915,235	16,360,202,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116,134,209	252,012,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116,134,209	83,874,442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			168,138,524
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		216,402,398,750	186,842,411,594
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35,360,000,000	37,328,709,295
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		15,360,000,000	15,360,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		20,000,000,000	21,968,709,295
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		60,857,956,291	65,713,590,001

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221		60,857,956,291	34,465,468,182
- Nguyên giá	222		98,347,088,487	58,638,582,696
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37,489,132,196)	(24,173,114,514)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			31,248,121,819
- Nguyên giá	225			38,711,302,633
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			(7,463,180,814)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40,976,005,600	4,555,971,600
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40,976,005,600	4,555,971,600
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		78,600,000,000	78,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		48,000,000,000	48,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30,000,000,000	30,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300,000,000	300,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300,000,000	300,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		608,436,859	644,140,698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		608,436,859	644,140,698
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		402,264,450,377	377,040,056,231
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		162,387,184,072	166,088,783,155
I. Nợ ngắn hạn	310		162,387,184,072	159,589,168,109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		37,998,418,980	43,742,230,493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,664,698,055	5,406,620,193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		5,616,483,893	4,255,496,682
4. Phải trả người lao động	314		350,391,986	962,792,205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			228,526,840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		74,701,140	352,468,005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		112,963,522,396	102,216,500,551
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,718,967,622	2,424,533,140

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			6,499,615,046
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			496,277,797
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			6,003,337,249
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239,877,266,305	210,951,273,076
I. Vốn chủ sở hữu	410		239,877,266,305	210,951,273,076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,698,240,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,698,240,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,444,732,623	2,898,318,140
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34,734,293,682	28,052,954,936
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13,261,885,971	12,588,810,110
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21,472,407,711	15,464,144,826
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		402,264,450,377	377,040,056,231

Lập, Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kê từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	143,999,659,603	72,609,677,654	371,572,219,237	180,050,008,588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			13,351,250	29,832,800	13,351,250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		143,999,659,603	72,596,326,404	371,542,386,437	180,036,657,338
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	134,461,931,589	64,848,002,459	340,828,923,039	159,273,341,265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9,537,728,014	7,748,323,945	30,713,463,398	20,763,316,073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	455,672,702	562,052,164	5,170,170,623	5,037,227,890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,753,682,755	1,830,438,155	5,582,349,238	5,029,279,021
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	391,284,523	520,782,282	1,805,153,349	1,265,938,063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	811,381,827	740,804,805	2,492,569,416	1,835,526,886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		7,037,051,611	5,218,350,867	26,003,562,018	17,669,799,993
11. Thu nhập khác	31	VI.7	51,888,044	27,726,520	137,845,510	192,585,910
12. Chi phí khác	32	VI.8	1	121,881,275	208,718,311	305,165,764
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		51,888,043	(94,154,755)	(70,872,801)	(112,579,854)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7,088,939,654	5,124,196,112	25,932,689,217	17,557,220,139
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,417,787,931	1,049,215,478	4,460,281,506	2,900,477,181
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.9	5,671,151,723	4,074,980,634	21,472,407,711	14,656,742,958
17.1 Lợi nhuận được chia của công ty con					3,840,000,000	3,360,000,000
17.2 Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ					17,632,407,711	11,296,742,958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/9/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		445,322,550,081	198,427,469,806
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(338,337,446,892)	(174,764,992,629)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,162,145,022)	(5,025,604,134)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5,483,601,861)	(4,746,364,162)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4,159,409,497)	(2,275,085,761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24,266,240,770	(5,994,387,215)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(67,086,984,175)	(15,341,876,785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48,359,203,404	(9,720,840,880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36,026,528,349)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19,407,000,000)	(2,585,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6,877,000,000	500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(16,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,819,006,470	1,379,999,753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46,737,521,879)	(16,705,000,247)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9,000,000,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		233,050,695,104	140,796,605,287
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(216,778,776,347)	(109,842,044,429)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(10,399,297,729)	(4,213,184,702)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,872,621,028	26,741,376,156
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		16,494,302,553	315,535,029
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	8,833,076,065	4,358,770,697
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	25,327,378,618	4,674,305,726

Lập, Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

09 tháng đầu năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa giấy nhẵn và giấy bìa;
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bìa carton, giấy tráng phan;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
 - In ấn;
 - Dịch vụ liên quan đến in;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
 - Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Nam	KCN Đông Văn I, thị trấn Đông Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bột giấy, giấy	80%	80%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	Lô 3, tổ 40, Trung tâm nhà hát kịch, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	30%	30%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hai 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020 và số liệu trên BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 công ty có 71 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 57 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/09/2021 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 22.660 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch).

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 22.860 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty. Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02-05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Máy móc thiết bị

Số năm

02 - 15

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2021/HHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 06 năm 2021 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2020 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Phát hành cổ phiếu ESOP : 900.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019: 1.169.824 cổ phiếu

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	895.016.340	-	1.209.116.008	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.696.509.374	-	7.623.960.057	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	622.134.518	-	1.077.067.137	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	-	-	4.099.219.014	-
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	18.392.360	-	203.851.699	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	214.740.121	-	490.144.057	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	3.457.592.067	-	1.753.678.150	-
<i>Ngân hàng TMCP First bank – Hà Nội</i>	1.383.650.308	-	-	-
Cộng	6.591.525.714	-	8.833.076.065	-

2. Đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	13.530.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	13.530.000.000	-	1.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 VND, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019 và tự động tái tục khi không có thay đổi bổ sung.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Ngô Quyền số tiền 400.000.000 VND, lãi suất 4,9%/ năm kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 17/11/2020.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 3.000.000.000 VND, lãi suất 3%/năm kỳ hạn 03 tháng kể từ ngày 29/04/2021.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 2.500.000.000 VND, lãi suất 3,3%/năm kỳ hạn 03 tháng kể từ ngày 14/01/2021.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 1.250.000.000 VND, lãi suất 0,9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 31/08/2021.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 2.550.000.000 VND, lãi suất 0,9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 08/09/2021.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 780.000.000 VND, lãi suất 0,9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 13/09/2021.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 2.450.000.000 VND, lãi suất 0,9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 17/09/2021.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam(a)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà (b)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	300.000.000	-	300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco(c)	300.000.000	-	300.000.000	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>300.000.000</i>	-	<i>300.000.000</i>	-
Trái phiếu(d)	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	78.600.000.000	-	78.600.000.000	-

(a) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VND, chiếm 80% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 12 năm 2019. Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng nắm giữ 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà.

(c) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VND, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(d) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>19.017.193.561</i>	<i>15.078.916.876</i>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	10.193.151.191	4.905.546.336
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	4.059.675.810	6.951.007.360
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	4.764.366.560	3.222.363.180
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>44.243.415.823</i>	<i>55.550.749.797</i>
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	9.842.127.040	9.286.332.020
Công ty Cổ phần bao bì Hùng Vương	4.937.100.850	2.474.741.060
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	3.747.030.100	8.337.147.060
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	-	909.506.610
Công ty Giấy Hải Phòng	2.006.158.636	-
Công ty TNHH Việt Cường	12.589.669.300	15.443.067.750
Các khách hàng khác	10.014.619.332	19.099.955.297
Cộng	62.153.898.819	70.629.666.673

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	-	3.000.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	58.444.596.000	61.399.971.900
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	13.563.000.000	13.563.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Quản lý Điều hành các dự án Việt Nam	4.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Trường Linh	16.578.416.000	16.578.416.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng VITECCONS	23.000.000.000	23.000.000.000
Các khách hàng khác	1.303.180.000	8.258.555.900
Cộng	58.444.596.000	64.399.971.900

5. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.840.000.000	-	15.735.524.192	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	-	-	614.031.779	-
Phải thu tiền cổ tức- Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	3.840.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	-	-	121.492.413	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	-	-	8.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc- Ông Nguyễn Trần Nhật Đức	-	-	7.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.749.981.650	-	12.987.190.058	-
Tạm ứng	6.245.986.348	-	6.403.207.921	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Vũ Thị Hằng	-	-	6.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.805.563.834	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác của Chailease (Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính)	-	-	194.919.234	-
Phải thu tiền lãi trả chậm Chailease	-	-	183.551.230	-
Đặt cọc trả chậm của Chailease	139.437.552	-	205.511.673	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.558.993.916	-	-	-
Cộng	13.589.981.650	-	28.722.714.250	-

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.000.000.000	-	21.968.709.295	-
Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (*)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.968.709.295	-
Cộng	20.000.000.000	-	21.968.709.295	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m² tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m² và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 đồng tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án. Tuy nhiên đến nay tiến độ dự án đã bị chậm quá nhiều so với dự kiến, mặc dù dự án đã được UBND Thành phố Hải Phòng đồng ý chủ trương cho phép chuyển mục đích sử dụng khu đất này sang đất ở để thực hiện Dự án phát triển nhà ở thương mại và giao Sở KHĐT chủ trì cùng các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và UBND quận Hồng Bàng đề xuất thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định (Văn bản số 4010/UBND-XD ngày 21/06/2021), nhưng do Công ty CP giấy Hoàng Hà Hải Phòng có nhu cầu thu hồi các khoản đầu tư đã đến hạn để bổ sung cho nguồn vốn đầu tư xây dựng Nhà máy giấy Hoàng Hà công suất 100.000 tấn/năm tại Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào giữa tháng 11/2021, nên đã yêu cầu thanh lý Hợp đồng trước hạn. Căn cứ Biên bản làm việc kiểm tra lý Hợp đồng đã ký ngày 15/9/2021, Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng số tiền góp vốn nêu trên trong Quý IV/2021.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.556.900.548	-	13.646.777.281	-
Công cụ, dụng cụ	213.859.749	-	93.125.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.173.181.626	-	1.097.945.262	-
Thành phẩm	667.379.136	-	1.522.354.376	-
Hàng hóa	3.824.594.176	-	-	-
Cộng	31.435.915.235	-	16.360.202.783	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	15.284.572	24.499.277
Chi phí bảo hiểm	51.248.804	36.829.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	49.600.833	22.545.831
Cộng	<u>116.134.209</u>	<u>83.874.442</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	86.097.386	110.276.821
Công cụ dụng cụ	381.849.487	199.750.597
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ thuê tài chính	-	176.826.134
Chi phí sửa chữa	121.178.673	64.130.879
Các chi phí trả trước dài hạn khác	19.311.313	93.156.267
Cộng	<u>608.436.859</u>	<u>644.140.698</u>

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15.360.000.000</i>	<i>15.360.000.000</i>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (*)	15.360.000.000	15.360.000.000
Cộng	<u>15.360.000.000</u>	<u>15.360.000.000</u>

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Thời hạn vay 36 tháng với tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VND. Theo phụ lục gia hạn hợp đồng cho vay số 01 ngày 27/05/2021 gia hạn thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày 30/05/2021.

+ Hợp đồng cho vay số 0610/2020/HD/HP-HNA ngày 06/10/2020. Thời hạn vay 36 tháng với tổng số tiền cho vay là 3.360.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Số đầu năm	18.068.470.367	36.865.715.945	3.704.396.384	58.638.582.696
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	39.147.334.882	-	39.147.334.882
Phát sinh tăng trong kỳ	-	-	561.170.909	561.170.909
Số cuối kỳ	18.068.470.367	76.013.050.827	4.265.567.293	98.347.088.487
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.487.917.000	618.769.105	9.106.686.105
Giá trị hao mòn lũy kế	7.056.769.795	14.782.263.918	2.334.080.801	24.173.114.514
Số đầu năm	716.944.725	2.792.208.994	357.949.100	3.867.102.819
Khấu hao trong kỳ	-	9.448.914.863	-	9.448.914.863
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
Số cuối kỳ	7.773.714.520	27.023.387.775	2.692.029.901	37.489.132.196
Giá trị còn lại	11.011.700.572	22.083.452.027	1.370.315.583	34.465.468.182
Số đầu năm	10.294.755.847	48,989,663,052	1.573,537,392	60,857,956,291
Số cuối kỳ	10,294,755,847	48,989,663,052	1,573,537,392	60,857,956,291

Một số tài sản cố định đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Thành Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	38.711.302.633	38.711.302.633
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(38.711.302.633)	(38.711.302.633)
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	7.463.180.814	7.463.180.814
Khấu hao trong kỳ	1.985.734.049	1.985.734.049
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(9.448.914.863)	(9.448.914.863)
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	31.248.121.819	31.248.121.819
Số cuối kỳ	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí xây dựng nhà máy mới	4.555.971.600	36.420.034.000	-	40.976.005.600
Cộng	4.555.971.600	36.420.034.000	-	40.976.005.600

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả các bên liên quan				
Công ty CP Bao Bì Phương Bắc	-	-	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.998.418.980	37.998.418.980	43.742.230.493	43.742.230.493
Canusa hershman recycling company	2.527.879.716	2.527.879.716	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	632.747.738	632.747.738	6.670.183.938	6.670.183.938
Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp Toàn Cầu	15.421.082.380	15.421.082.380	-	-
Công ty TNHH Vương An Phú	5.007.820.970	5.007.820.970	16.295.555.210	16.295.555.210
Các nhà cung cấp khác	14.408.888.176	14.408.888.176	20.776.491.345	20.776.491.345
Cộng	37.998.418.980	37.998.418.980	43.742.230.493	43.742.230.493

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.644.698.055	5.406.620.193
Công ty Cổ phần giấy Hải Phòng	-	5.326.437.314
Jinhong industrial (Hong Kong) Co., Ltd	1.573.732.649	-
Các khách hàng khác	70.965.406	80.182.879
Cộng	<u>1.664.698.055</u>	<u>5.406.620.193</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.655.381.340	2.823.179.763	(1.745.664.561)	2.732.896.542
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.025.429.852	(5.025.429.852)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.582.715.342	4.460.281.506	(4.159.409.497)	2.883.587.351
Thuế thu nhập cá nhân	17.400.000	9.877.445	(27.277.445)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	23.500.000.000	(23.500.000.000)	-
Cộng	<u>4.255.496.682</u>	<u>35.822.768.566</u>	<u>(34.461.781.355)</u>	<u>5.616.483.893</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước 10%, nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	330.600.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	330.600.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	74.701.140	21.868.005
Kinh phí công đoàn	74.701.140	21.868.005
Cộng	<u>74.701.140</u>	<u>352.468.005</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>112.963.522.396</i>	<i>112.963.522.396</i>	<i>102.216.500.551</i>	<i>102.216.500.551</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.563.522.396	100.563.522.396	84.691.603.639	84.691.603.639
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)</i>	-	-	19.963.461.440	19.963.461.440
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)</i>	2.435.480.000	2.435.480.000	2.479.926.625	2.479.926.625
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)</i>	19.928.412.301	19.928.412.301	22.870.371.955	22.870.371.955
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)</i>	47.445.514.302	47.445.514.302	39.377.843.619	39.377.843.619
<i>Ngân hàng First bank - Hà Nội (e)</i>	30.754.115.793	30.754.115.793	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	12.400.000.000	12.400.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn Vitecons</i>	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn Công ty tài chính TNHH MTV Mirea Asset Việt Nam (f)</i>	12.400.000.000	12.400.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	-	-	5.524.896.912	5.524.896.912
<i>Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease-Chi nhánh Hà Nội</i>	-	-	5.524.896.912	5.524.896.912
Cộng	112.963.522.396	112.963.522.396	102.216.500.551	102.216.500.551

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/2020-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 31 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 17/07/2020 đến hết ngày 16/07/2021. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBDS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương.
Tại thời điểm 30/09/2021 công ty đã tắt toán toàn bộ khoản vay và rút hết tài sản đang thế chấp tại Vietinbank – CN Ngô Quyền.
- (b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 139/2021/HĐTD/CNM/01 ngày 18 tháng 03 năm 2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 139/2021/HĐTD/CNM/01/SDBS/01 ngày 17/06/2021. Hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 18/03/2021 đến ngày 18/03/2022, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.
- (c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/21/HM/14185005 ký ngày 27/09/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng hạn mức tối đa là 30.000.000.000 VND. Hạn mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 20.000.000.000 VND. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay đến hết ngày 12/09/2022. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:
- (1) Thế chấp bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất theo số: BD 772273 số vào sổ cấp GCN: CH00531 4690/2010/QĐ-UBND quận Đống Đa cấp ngày 24/12/2010 địa chỉ tại: số 40 ngõ 69 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Sỹ cùng vợ là bà Phan Thị Hà, theo hợp đồng thế chấp số 3819.2020/HĐTC ngày 24/9/2020 và các phụ lục sửa đổi kèm theo.
- (2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016.
- (3) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBDS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng.
- (d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2021/7607651 ký ngày 14 tháng 09 năm 2021. Hạn mức tối đa là 70.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7607651/HĐTD ngày 28/05/2019. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 14/09/2022 và hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND kể từ ngày 01/03/2022. Lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:
- (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.
- (2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (3) Tài sản đảm bảo khoản vay là Hệ thống lò hơi tầng sôi, công suất sinh hơi 9 tấn/giờ, trị giá tài sản thế chấp 4.270.000.000 VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/7607652/HĐBĐ ngày 26 tháng 05 năm 2020
- (4) Thế chấp lợi thế thương mại quyền thuê đất tại số 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số CK 926926 do sở tài nguyên thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2018. Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Thời hạn sử dụng đến tháng 07/2043. Nguồn gốc sử dụng nhà nước cho thuê đất sử dụng hàng năm. Theo hợp đồng thế chấp ngày 29/6/2020
- (5) Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo bổ sung đồng thời không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay này để thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác.
- (6) Thế chấp hợp đồng tiền gửi số 02/2021/HĐTG/Tđo-HHHP với giá trị 3.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3%/ năm theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2021/7607651/HĐBĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021.
- (7) Thế chấp hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/Tđo-HHHP với giá trị 2.500.000.000 VNĐ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3,3%/ năm theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/7607651/HĐBĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021.
- (e): Là khoản vay tại Ngân hàng First commercial bank – CN Hà Nội với tổng hạn mức tín dụng tối đa không vượt quá 1.500.000 USD, theo HĐ cấp TDHM số: 30210082 ngày 27/08/2021 đến hết ngày 17/08/2022, thời hạn cho vay 180 ngày kể từ ngày giải ngân, tài sản thế chấp gồm:
- (1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 1.250.000.000 VNĐ, lãi suất 0.9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 31/08/2021.
- (2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 2.550.000.000 VNĐ, lãi suất 0.9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 08/09/2021.
- (3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 780.000.000 VNĐ, lãi suất 0.9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 13/09/2021.
- (4) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng First bank – CN Hà Nội số tiền 2.450.000.000 VNĐ, lãi suất 0.9%/năm kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 17/09/2021.
- (f) Là khoản vay Công ty Tài chính TNHH MTV Mirea Asset Việt Nam với lãi suất 11%/năm theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và thế chấp chứng khoán số 006/HĐTD-MAFC ngày 12 tháng 05 năm 2021. Thời hạn cho vay 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Tổng số tiền vay 12.400.000.000 VNĐ. Tài sản thế chấp là 3.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng với mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần. Trong đó bà Trần Thị Thu Phương 900.000 cổ phần, bà Nguyễn Kim Ngân 800.000 cổ phần, ông Nguyễn Huy Long 600.000 cổ phần, bà Nguyễn Thị Thu Thủy 800.000 cổ phần. Tổng giá trị tài sản thế chấp 31.000.000.000 VNĐ.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	84.691.603.639	220.650.695.104	(204.778.776.347)	100.563.522.396
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	12.000.000.000	12.400.000.000	(12.000.000.000)	12.400.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.524.896.912	-	(5.524.896.912)	-
Cộng	102.216.500.551	233.050.695.104	(222,303,673,259)	112.963.522.396

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>					
<i>Công ty cho thuê Tài chính Chailease</i>	-	-	6.003.337.249	6.003.337.249	
Cộng	-	-	6.003.337.249	6.003.337.249	
<i>Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:</i>					
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Bù trừ kỳ quỹ	Số cuối kỳ
Nợ thuê tài chính	6.003.337.249	-	(4.034.627.954)	(1.968.709.295)	-
Cộng	6.003.337.249	-	(4.034.627.954)	(1.968.709.295)	-

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.305.659.070	773.207.241	(100.000.000)	1.978.866.311
Quỹ phúc lợi	1.118.874.070	773.207.241	(151.980.000)	1.740.101.311
Cộng	2.424.533.140	1.546.414.482	(251.980.000)	3.718.967.622

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	180.000.000.000	1.443.688.139	12.138.070.113	193.581.758.252
Trích lập các quỹ	-	1.454.630.001	(2.909.260.003)	(1.454.630.002)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.824.144.826	18.824.144.826
Số dư cuối năm trước	180.000.000.000	2.898.318.140	28.052.954.936	210.951.273.076
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.898.318.140	28.052.954.936	210.951.273.076
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.698.240.000	-	(11.698.240.000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	21.472.407.711	21.472.407.711
Trích lập các quỹ	-	1.546.414.483	(3.092.828.965)	(1.546.414.482)
Số dư cuối kỳ này	200.698.240.000	4.444.732.623	34.734.293.682	239.877.266.305

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.069.824	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.069.824	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.069.824	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.069.824	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.069.824	18.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c) Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại cổ đông số 01/2021/HHP/NQ-ĐHDCĐ ngày 11 tháng 06 năm 2021 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2020 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020

Phát hành cổ phiếu ESOP : 900.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019: 1.169.824 cổ phiếu

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**A, Ngoại tệ các loại**

Dollar Mỹ (USD)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	30,24	43,34

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	371.572.219.237	180.050.008.588
Doanh thu bán hàng hóa	246.437.987.517	77.917.741.980
Doanh thu bán thành phẩm	124.665.114.836	100.630.196.195
Doanh thu khác	469.116.884	1.502.070.413
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(29.832.800)	13.351.250
Hàng bán bị trả lại	(29.832.800)	13.351.250
Cộng	371.542.386.437	180.036.657.338

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	15.177.280.320	9.796.572.700
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	15.588.789.500	
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	16.698.092.300	5.015.883.800

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	234.498.524.616	68.967.659.811
Giá vốn của thành phẩm đã bán	105.929.381.539	89.378.038.864

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn khác	401.016.884	927.642.590
Cộng	340.828.923.039	159.273.341.265

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	88.236.082	96.591.133
Lãi đặt cọc	121.397.260	735.671.232
Lãi tiền cho vay	1.033.959.452	810.739.725
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.840.000.000	3.360.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	86.577.829	34.225.800
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	96.591.133
Cộng	5.170.170.623	5.037.227.890

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.439.210.125	4.711.637.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	143.139.113	317.641.757
Cộng	5.582.349.238	5.029.279.021

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	923.493.166	659.616.367
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.257.993	3.166.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.499.613	148.654.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	596.183.028	444.345.6784
Các chi phí khác	151.719.549	10.155.177
Cộng	1.805.153.349	1.265.938.063

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	876.479.276	809.736.723
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.982.722	3.417.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.309.326	204.180.507
Thuế, phí và lệ phí	726.112.378	451.059.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.122.077	306.169.825
Các chi phí khác	280.563.637	60.962.222

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	2.492.569.416	1.835.526.886
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường hàng không đạt chất lượng	137.845.510	191.817.090
Thu nhập khác		768.820
Cộng	137.845.510	192.585.910
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt truy thu, chậm nộp thuế, BHXH	208.718.311	305.165.764
Cộng	208.718.311	305.165.764
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.932.689.217	17.557.220.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(3.631.281.689)	(3.054.834.236)
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	208.718.311	305.165.764
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	208.718.311	305.165.764
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.840.000.000	3.360.000.000
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	3.840.000.000	3.360.000.000
Thu nhập chịu thuế	22.301.407.528	14.502.385.903
Thu nhập tính thuế	22.301.407.528	14.502.385.903
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.460.281.506	2.900.477.181
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.460.281.506	2.900.477.181

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Bà Trần Thị Thu Phương
Ông Nguyễn Trần Nhật Đức
Bà Nguyễn Thị Ngân
Ông Nguyễn Trung Thành
Ông Nguyễn Huy Long

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc Công ty
Con Bà Trần Thị Thu Phương
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

Tiền lương	Năm nay
Bà Trần Thị Thu Phương	183.558.711
Ông Nguyễn Vinh Quang	157.215.933
Ông Nguyễn Huy Long	150.562.933
Cộng	491.337.578

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020.
Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020.

Lập ngày 22 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương